

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội khóa 15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo số 109/BC-LĐTBXH ngày 30/8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025.

Thực hiện Công văn số 3486/LĐTBXH-VPQGGN ngày 06/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch năm 2022 thực hiện Chương trình MTQGGNBV giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh Lạng Sơn xây dựng kế hoạch năm 2022 thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2021

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Công tác tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo được các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giảm nghèo năm 2021, Ban Chỉ đạo (BCĐ) các CTMTQG của tỉnh và các huyện, thành phố đã tích cực chỉ đạo công tác giảm nghèo, chú trọng lồng ghép các nguồn lực của các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và chính sách an sinh xã hội. UBND tỉnh ban hành các kế hoạch và văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2021 trên địa bàn tỉnh. 11/11 huyện, thành phố ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo các phòng chuyên môn, các xã, phường, thị trấn tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện. Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác trợ giúp xã hội dịp tết Nguyên đán, cứu đói giáp hạt; hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo như: hỗ trợ tiền điện thấp sáng, chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, chính sách tín dụng... Trong năm 2021, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 47-NQ/TU ngày 09/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Hội đồng Nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác và người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh, về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc

gia giảm nghèo bền vững năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Kế hoạch số 177/KH-UBND, ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025, Quyết định số 1615/QĐ-UBND, ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Quyết định số 136/QĐ-BCĐ, ngày 17/8/2021 của BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021- 2025 ban hành Quy chế hoạt động của BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn... Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2021 trên địa bàn, thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn, báo cáo thường xuyên và đột xuất theo yêu cầu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021 trên địa bàn tỉnh; các cấp, các ngành căn cứ chức năng, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình. Tuy nhiên, kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021 -2025 và năm 2021 chưa được phân bổ; một số chương trình, dự án hỗ trợ đã kết thúc giai đoạn, chưa có nguồn thực hiện Chương trình nên các huyện đang trong quá trình rà soát, lựa chọn các mô hình, dự án để thực hiện hỗ trợ trong năm 2022 sau khi có nguồn kinh phí Trung ương phân bổ. Để thực hiện tốt chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, tỉnh đã chỉ đạo các huyện, thành phố chủ động cân đối, bố trí một phần ngân sách địa phương để thực hiện một số chính sách, cơ chế giảm nghèo tại địa phương trong năm 2021 về y tế, giáo dục, hỗ trợ vay vốn tín dụng, hỗ trợ tiền điện, kinh phí tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo...

Kết quả giảm nghèo năm 2020: theo kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo định kỳ cuối năm 2020, toàn tỉnh giảm 3,01% tỷ lệ hộ nghèo, đạt 100,3% so với kế hoạch đề ra. Đưa số hộ nghèo giảm từ 21.336 hộ xuống còn 16.115 hộ, chiếm tỷ lệ 7,88% trên tổng số hộ dân. Kế hoạch năm 2021: dự kiến trong năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 2%, xuống còn 5,88% tương đương giảm 4.101 hộ nghèo, ước đạt 100% kế hoạch đề ra.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CƠ CHẾ GIẢM NGHÈO

- Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi: 9 tháng đầu năm 2021, Ngân hàng chính sách chi nhánh tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho 15.728 hộ nghèo vay vốn với doanh số cho vay 768.713 triệu đồng, 9.400 hộ cận nghèo vay với doanh số cho vay 485.848 triệu đồng, 6.502 hộ mới thoát nghèo vay với doanh số cho vay là 363.859 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện: thực hiện Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg, ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg, ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện, toàn tỉnh phân bổ 11.233 triệu đồng hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách, hiện nay các huyện đang triển khai thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 15.811 hộ nghèo đa chiều.

- Hỗ trợ y tế: tính đến hết tháng 9/2021, toàn tỉnh đã cấp 248.350 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục: đã triển khai lồng ghép các chính sách hỗ trợ giáo dục cho con em thuộc hộ nghèo, như chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh nghèo bán trú, hỗ trợ học sinh trung học phổ thông và chính sách theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021. Trong 9 tháng đầu năm 2021 đã thực hiện hỗ trợ 54.448 lượt học sinh, số tiền trên 35.000 triệu đồng, qua đó đã kịp thời tạo cơ hội cho học sinh nghèo, học sinh vùng đặc biệt khó khăn có điều kiện đến trường, giảm bớt một phần chi phí học tập cho gia đình, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao tỷ lệ phổ cập giáo dục các cấp.

- Hỗ trợ về nhà ở: Ủy ban MTTQ các cấp đã thực hiện hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa 75 nhà đại đoàn kết với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.671 triệu đồng. Tỉnh Đoàn Lạng Sơn đã vận động kinh phí, huy động đoàn viên thanh niên đóng góp ngày công giúp đỡ người dân sửa chữa 10 nhà nhân ái, hỗ trợ xây dựng 03 nhà Đại đoàn kết, 02 ngôi nhà khăn quàng đỏ cho 02 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, xóa 01 nhà dột nát cho hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trị giá 173 triệu đồng.

IV. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO

1. Ngân sách Trung ương: năm 2021 chưa được bố trí.

2. Ngân sách địa phương: 394.025 triệu đồng, trong đó:

- Tổng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương phân bổ thực hiện Chương trình là 60.000 triệu đồng (theo Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh). Vốn đầu tư phát triển Chương trình 30a: 60.000 triệu đồng (*huyện Đình Lập 20.000 triệu đồng; huyện Văn Quan: 20.000 triệu đồng; huyện Bình Gia: 20.000 triệu đồng*).

- Tổng số kinh phí tỉnh đã phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện các chính sách giảm nghèo năm 2021 là: 322.775 triệu đồng (tại Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh), cụ thể:

+ Kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách: 11.443 triệu đồng;

+ Kinh phí bảo hiểm y tế người nghèo, dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, người sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 309.717 triệu đồng.

+ Kinh phí thẻ bảo hiểm y tế hộ cận nghèo: 1.615 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021: 1.250 triệu đồng.

3. Vốn huy động khác: không có.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

BCĐ các CTMTQG các cấp đã phát huy được vai trò tham mưu giúp UBND các cấp chỉ đạo điều hành triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp về Chương trình giảm nghèo theo đúng chương trình, kế hoạch đã đề ra. Công tác tuyên truyền vận động đã được các cơ quan chức năng, UBND các huyện, thành phố quan tâm triển khai thực hiện, trong đó đã chú trọng đến việc nhân rộng, giới thiệu các cá nhân, tập thể, hộ gia đình tiêu biểu có ý chí vươn lên thoát nghèo. Các chính sách hỗ trợ người nghèo được thực hiện tốt như: Hỗ trợ về y tế, cấp thẻ BHYT cho người nghèo và người dân tộc thiểu số, hỗ trợ tiền điện... Công tác cứu đói giáp hạt được thực hiện có hiệu quả, góp phần giúp người nghèo ổn định cuộc sống, an tâm để đẩy mạnh sản xuất tăng thu nhập, giảm nghèo. Việc thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo đã góp phần tạo được niềm tin của Nhân dân với Đảng, với chính quyền, góp phần ổn định xã hội, quốc phòng - an ninh được bảo đảm. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc, 100% các chính sách giảm nghèo đều đến tay đối tượng và phát huy hiệu quả; những trường hợp phát hiện sai sót trong điều tra, rà soát hộ nghèo đều có biện pháp chấn chỉnh và chỉ đạo phù hợp.

2. Hạn chế

- Tỉnh Lạng Sơn là địa phương hưởng thụ 80% ngân sách hỗ trợ của Trung ương, nguồn lực cho chương trình giảm nghèo vẫn chủ yếu từ ngân sách nhà nước. Nguồn lực huy động từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và sự đóng góp của Nhân dân thông qua Quỹ “vì người nghèo” và các nguồn lực khác còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền mặc dù đã được quan tâm đẩy mạnh, nhưng còn chưa trọng tâm, trọng điểm, chưa linh hoạt trong nội dung tuyên truyền, chưa làm chuyển biến nhận thức của Nhân dân trong công tác giảm nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng. Việc chỉ đạo triển khai các giải pháp giảm nghèo thiếu quyết liệt.

- Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất chưa hiệu quả, do đa số người nghèo còn thiếu kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật sản xuất, thiếu vốn và kinh nghiệm làm ăn.

- Một số nơi giữ tập quán canh tác cũ, lạc hậu; các hộ gia đình sản xuất, chăn nuôi nhỏ, lẻ, manh mún; sản phẩm nông nghiệp, đầu ra cho chăn nuôi chưa ổn định

và chủ động, chưa tạo được kết nối bền vững giữa sản xuất với thị trường, chưa hình thành chuỗi liên kết giá trị nên hiệu quả thoát nghèo gắn với hỗ trợ phát triển sản xuất, sinh kế bền vững cho người nghèo còn thấp.

- Việc bình xét, công nhận hộ nghèo ở một số địa bàn còn hạn chế, còn hiện tượng xác nhận hộ nghèo chưa thực sự chính xác, khách quan.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- Kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2021 chưa được phân bổ; một số chương trình, dự án hỗ trợ đã kết thúc giai đoạn.

- Do tác động của Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND, ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có một xã chuyển từ vùng III sang vùng I và các chính sách thực hiện ngay từ khi Quyết định có hiệu lực nên một số hộ dân chưa kịp thích ứng.

- Một số nơi cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát việc thực hiện thoát nghèo; chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác giảm nghèo

- Người dân chưa thực sự thay đổi về nhận thức (cách nghĩ và cách làm) một bộ phận người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, chưa nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2022

Công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh trong những năm qua được các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn xã hội quan tâm thực hiện đồng bộ, tích cực, góp phần thúc đẩy giảm nghèo nhanh và bền vững. Cùng với triển khai đầy đủ các chính sách của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch và các chính sách đặc thù của tỉnh để hỗ trợ công tác giảm nghèo, giải quyết kịp thời các vấn đề cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, thôn, xã và huyện nghèo về nhà ở, đất ở, đất sản xuất, khám, chữa bệnh, học tập, vay vốn, đầu tư hạ tầng cơ sở; đồng thời quan tâm dành một phần ngân sách để thực hiện các nội dung đối ứng vốn tín dụng, xây dựng hạ tầng cơ sở, thực hiện chính sách hỗ trợ đặc thù, bảo đảm sử dụng vốn huy động đúng mục đích, đối tượng, đã góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống của một bộ phận người dân thuộc hộ nghèo, người dân vùng đặc biệt khó khăn, vùng an toàn khu, khu vực biên giới. Nhân dân đồng thuận, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, ý thức trách nhiệm của mỗi người dân tham gia vào công tác giảm nghèo được nâng lên, nhiều hộ nghèo đã có chuyển biến nhận

thức, chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020 đã giảm từ 25,95% xuống còn 7,88%, bình quân giảm 3,61%/năm.

Khó khăn, thách thức: do ảnh hưởng tác động kéo dài của đại dịch COVID-19 dẫn đến việc thiếu việc làm và mất việc làm của nhiều lao động ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của các hộ gia đình, nguy cơ tái nghèo tăng cao; hiện nay Chính phủ chưa phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức triển khai thực hiện, nhất là kinh phí Trung ương chưa được phân bổ, trong khi nguồn ngân sách địa phương còn hạn chế và phát sinh nhiều nội dung chi cho công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19; năm 2022 sẽ áp dụng chuẩn nghèo giai đoạn mới do đó tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sẽ gia tăng tạo áp lực trong tổ chức, triển khai thực hiện chương trình, nhất là bố trí kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; người dân chưa thực sự thay đổi về nhận thức, một bộ phận người nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, chưa nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tối đa tái nghèo và phát sinh nghèo; tạo điều kiện tốt nhất để người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các nguồn lực và các dịch vụ xã hội cơ bản để phát triển sản xuất, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn; tạo sự chuyển biến tích cực, toàn diện hơn nữa trong công tác giảm nghèo để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm nghèo tại Nghị quyết số 47-NQ/TU ngày 09/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Giải quyết cơ bản về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã, thôn, đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới; trước hết là hạ tầng thiết yếu, như: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, giảm nghèo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo cả tỉnh bình quân từ 3,0%/năm (riêng tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 5%/năm).

- 100% các huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, công trình thủy lợi.

- Hỗ trợ phát triển các mô hình giảm nghèo đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Hỗ trợ người nghèo phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp về quy mô và chất lượng đào tạo cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động; gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững cho người nghèo.

- Kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động thuộc các vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ cho người lao động sinh sống trên địa bàn nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Phát triển hệ thống thông tin, viễn thông phục vụ cộng đồng, tăng cường cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, người nghèo có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông phổ cập.

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn.

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai.

- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

- *Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn huyện nghèo*: đầu tư 45 công trình cấp huyện, liên xã về cầu, đường, trường, trạm y tế, công trình nước sinh hoạt... tại 3 huyện nghèo (Đình Lập, Bình Gia, Văn Quan).

Kinh phí: 156.228 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 127.710 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 27.218 triệu đồng; nguồn huy động khác: 1.300 triệu đồng).

- *Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng*: các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các huyện nghèo. Kinh phí 9.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp)¹.

¹Dự kiến Kinh phí hỗ trợ duy tu bảo dưỡng bằng 7% kinh phí vốn Ngân sách Trung ương chi đầu tư phát triển.

Tổng kinh phí thực hiện dự án 1 là: 165.228 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 136.710 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 27.218 triệu đồng; nguồn huy động khác: 1.300 triệu đồng).

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng 40 mô hình giảm nghèo, dự án giảm nghèo tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch (thông qua các hình thức như hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, tổ thoát nghèo, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc mô hình khác) để tạo việc làm, sinh kế bền vững, có thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật.

Kinh phí: 47.500 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 40.000 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 6.000 triệu đồng; nguồn huy động khác: 1.500 triệu đồng).

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Hỗ trợ một phần giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

- Tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo.

- Hỗ trợ việc phát hiện, đánh giá, thí điểm các mô hình, giải pháp về phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị mang tính sáng tạo, hiệu quả tại các địa bàn cụ thể vùng và hỗ trợ nhân rộng, thể chế hóa các mô hình, giải pháp ở quy mô lớn hơn, ở các địa bàn khác.

- Hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

Kinh phí: 60.000 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 55.000 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 4.000 triệu đồng; nguồn huy động khác: 1.000 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Hoạt động 1. Tăng cường việc tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo, vùng đặc biệt khó khăn

- Hoạt động 2. Tăng cường hoạt động chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ 5-16 tuổi)

Kinh phí: 10.000 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 8.500 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 1.000 triệu đồng; nguồn huy động khác: 500 triệu đồng).

4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*

- **Hoạt động 1:** Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: xây dựng mới 06 phòng học lý thuyết và 02 xưởng thực hành và các trang thiết bị cơ bản đi kèm; hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại 03 huyện nghèo: Bình Gia, Đình Lập, Văn Quan.

- **Hoạt động 2:** Xây dựng mới khoảng 10 bộ chương trình, giáo trình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế. Tập huấn, bồi dưỡng cho khoảng 30 lượt cán bộ/nhà giáo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hỗ trợ 10 cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng và phát triển bảo đảm chất lượng bên trong và tự đánh giá chất lượng GDNN. Phát triển, chuẩn hoá đội ngũ giáo viên: bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm, năng lực phát triển chương trình, giáo trình đào tạo cho khoảng 40 giáo viên. Đào tạo, bồi dưỡng cho 60 cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về nghiệp vụ quản lý, kỹ năng quản lý nhà nước. Xây dựng chương trình đào tạo và tài liệu đào tạo cho 05 nghề trọng điểm hoặc ngành nghề có nhu cầu lao động ở địa phương.

- **Hoạt động 3:** Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề

Đẩy mạnh tuyên truyền tới các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, tiếp cận, tìm hiểu nhu cầu nguyện vọng của bà con, thu thập thông tin, viết bài, xây dựng các chương trình phóng sự truyền thông về giáo dục nghề nghiệp khoảng 25 hội nghị, tin bài, phóng sự. Triển khai xây dựng không gian truyền thông về giáo dục nghề nghiệp tại các nơi công cộng, địa điểm đông người bằng các biển quảng bá về giáo dục nghề nghiệp, 25 biển quảng cáo, pano, áp phích. Tư vấn hướng nghiệp, định hướng cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, người học nghề, người lao động nhằm thúc đẩy phân luồng, tạo việc làm. Tập huấn, nâng cao năng lực tư vấn hướng nghiệp cho khoảng 1.000 lượt cán bộ làm công tác tư vấn hướng nghiệp ở các cấp; tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng kiến thức khởi nghiệp cho khoảng 1.000 học sinh người học vùng nghèo, khó khăn. Đào tạo tập huấn kỹ năng mềm cho cán bộ, giáo viên, cán bộ làm công tác học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức hoạt động Ngày hội tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp; các hoạt động định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau khi tốt nghiệp tự tạo việc làm.

- **Hoạt động 4:** phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: xây dựng thiết bị đào tạo tự làm phục vụ đào tạo tại trường cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp 01 nghề.

- **Hoạt động 5:** đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp: Đào tạo trình trung cấp các ngành, nghề trọng điểm cho 30 người. Đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho 1.500 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới

thoát nghèo, người dân trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, người lao động có thu nhập thấp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Kinh phí: 121.000 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 110.000 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 10.000 triệu đồng; nguồn huy động khác: 1.000 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Hỗ trợ 100 người lao động thuộc các huyện nghèo học nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian tham gia đào tạo, trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe; làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho 436 cán bộ làm công tác xuất khẩu lao động, tuyên truyền viên ở cơ sở, hỗ trợ tuyên truyền viên cơ sở hoạt động tư vấn người lao động, hỗ trợ, tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động đi xuất khẩu về nước.

Kinh phí: 1.800 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 1.500 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 220 triệu đồng; nguồn huy động khác: 80 triệu đồng).

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động: đầu tư 01 hệ thống mạng, đường truyền, hệ thống máy chủ, máy tính, hệ thống trang thiết bị phục vụ lưu trữ, hệ thống an ninh bảo mật... (*phục vụ thu thập, xử lý, phân tích thông tin và dự báo thị trường lao động*) cho Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đảm bảo đồng bộ, hiện đại, kết nối toàn quốc.

- Hỗ trợ giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động: tổ chức 10 sàn giao dịch việc làm, tạo cơ hội cho 500 người lao động, nhất là lao động phi chính thức, lao động nghèo, vùng sâu, vùng xa tiếp cận được thông tin về chính sách lao động, việc làm và tìm kiếm các cơ hội việc làm phù hợp khả năng, nguyện vọng của bản thân.

- Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư: hệ thống trang thiết bị máy chủ, đường truyền, thiết bị để nhập tin, lưu trữ, cập nhật dữ liệu; quản trị, vận hành hệ thống phần mềm.

- Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động phân tích, dự báo thị trường lao động trên địa bàn tỉnh; phổ biến các ấn phẩm phân tích, dự báo thị trường lao động.

- Hỗ trợ kết nối việc làm: đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nguồn nhân lực và tài chính để tổ chức vận hành có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động đối với Trung tâm Dịch vụ việc làm. Hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động thuộc huyện nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Kinh phí: 21.000 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 18.000 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 2.000 triệu đồng; nguồn huy động khác 1.000 triệu đồng).

5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

- Thực hiện làm nhà ở cho 500 hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các huyện nghèo.

Kinh phí: 24.000 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 20.000 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 2.000 triệu đồng; nguồn huy động khác 2.000 triệu đồng).

6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại huyện miền núi chưa có hoặc đã có trang thiết bị, phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động nhưng thiết bị đã lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu hoạt động, các xã đặc biệt khó khăn, xã miền núi, xã thuộc huyện nghèo, xã thuộc các huyện được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ như huyện nghèo; thiết lập cụm thông tin cơ sở tại khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương, đề cập nhật, quảng bá kịp thời đến cộng đồng dân cư, khách nước ngoài các thông tin phục vụ nhiệm vụ chính trị, giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông, xây dựng phóng sự phát thanh tuyên truyền về giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Kinh phí: 13.000 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 10.000 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 2.000 triệu đồng; nguồn huy động khác 1.000 triệu đồng).

b) Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan về công tác giảm nghèo đa chiều, giáo dục nghề nghiệp, việc làm nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tăng cường tuyên truyền các gương điển hình về giảm nghèo để thúc đẩy nhân rộng và lan tỏa, đồng thời phát hiện ra các hành vi trục lợi chính sách giảm nghèo để có biện pháp đẩy lùi, ngăn chặn.

Kinh phí: 5.000 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 4.000 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 500 triệu đồng; nguồn huy động khác 500 triệu đồng).

7. Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

- Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương không rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

Kinh phí: 3.500 triệu đồng (trong đó vốn ngân sách Trung ương: 3.000 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 300 triệu đồng; nguồn huy động khác 200 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Thiết lập quy trình, hệ thống kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

Kinh phí: 4.000 triệu đồng (trong đó vốn Ngân sách Trung ương: 3.500 triệu đồng; vốn Ngân sách địa phương 300 triệu đồng; nguồn huy động khác 200 triệu đồng).

*** Tổng kinh phí đề xuất năm 2022: 466.028 triệu đồng, trong đó:**

- Ngân sách trung ương: 401.710 triệu đồng (vốn ĐTPT: 228.860 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 172.850 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 54.538 triệu đồng (vốn ĐTPT: 36.433 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 18.105 triệu đồng).

- Huy động khác: 9.780 triệu đồng (vốn ĐTPT: 0 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 9.780 triệu đồng).

(Chi tiết phụ lục I, II, III, IV kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình

Các ngành, các cấp trên địa bàn toàn tỉnh, căn cứ trách nhiệm của đơn vị mình, cấp mình phụ trách, chủ động xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm, chỉ đạo quyết liệt trong việc tổ chức thực hiện các chính sách, dự án của chương trình. Đặc biệt các huyện, thành phố cần chỉ đạo các phòng chuyên môn của huyện chủ trì các dự án, tiểu dự án của Chương trình thường xuyên bám sát cơ sở, nắm tình hình tiến độ thực hiện các chính sách, dự án để hướng dẫn kịp thời cho cấp xã và người dân thực hiện chính sách đạt hiệu quả.

2. Về tổ chức triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo

- Chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi: Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập đồng thời tuyên truyền về việc nâng mức cho vay và thời hạn

vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, các hộ mới thoát nghèo biết để vay vốn sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên nguồn lực để thực hiện đối hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên hưởng chính sách người có công với cách mạng, các chương trình mục tiêu hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội theo quy định của nhà nước như: hỗ trợ nhà ở, y tế, giáo dục, dạy nghề, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ sản xuất...

3. Thực hiện có hiệu quả các dự án của Chương trình

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo sự liên kết, thông thương hàng hóa, có cơ chế để người nghèo tiếp cận được nguồn vốn, tổ chức hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo; hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, ưu tiên các dịch vụ thuộc nội dung giảm nghèo đa chiều như việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, vệ sinh, thông tin; phát triển hạ tầng các vùng khó khăn, vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao. Đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo, tập trung nguồn lực, giải pháp giảm nghèo bền vững cho các vùng sâu, vùng xa, vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao, gắn chương trình giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các dự án hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: xây dựng các mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo; truyền thông về thông tin giảm nghèo; tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; thường xuyên tổ chức giám sát đánh giá tình hình thực hiện Chương trình.

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động tinh thần tự lực, tự cường cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo để họ tích cực tham gia thực hiện chương trình như: tham gia góp vốn của gia đình để thực hiện các dự án sinh kế, làm nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh, cải thiện môi trường sống; hỗ trợ phương tiện nghe xem cho các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số để tiếp cận được thông tin; xây dựng các cụm thông tin tuyên truyền, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác truyền thông tại cơ sở...

- Tăng cường huy động, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để có thêm nguồn lực hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo với phương châm "*không để ai bị bỏ lại phía sau*". Tập trung nguồn lực vận động hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, hộ nghèo là đối tượng bảo trợ xã hội. Thực hiện hiệu quả việc lồng ghép với các chương trình mục tiêu, dự án khác để phát huy tối đa nguồn lực tập trung cho giảm nghèo bền vững.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn UBND các huyện xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo; phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm; truyền

thông giảm nghèo; nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các huyện nghèo triển khai các mô hình giảm nghèo; đa dạng hóa sinh kế; hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

3. Sở Y tế hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng.

4. Sở Xây dựng hướng dẫn các huyện nghèo triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo về thông tin;

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ vốn cho các huyện, thành phố ngay từ đầu năm để các huyện tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời. Tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Chương trình theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện CTMTQG giảm nghèo năm 2022 bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt nhằm phấn đấu thực hiện đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch đã đề ra. Tập trung chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch giảm nghèo cấp xã chi tiết cụ thể, đưa ra các giải pháp thực hiện giải quyết các chiều thiếu hụt. Lồng ghép và huy động tập trung mọi nguồn lực trên địa bàn hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất, tạo việc làm tăng thu nhập thông qua các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng...

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện đối với cấp xã, xóm nhất là về cơ chế, chính sách sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn trái phiếu Chính phủ theo đúng quy định về quản lý ngân sách nhà nước và nguồn vốn đầu tư công;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai có hiệu quả cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ tổ chức điều tra sự hài lòng của người dân với kết quả thực hiện chương trình; giám sát việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo ở các cấp.

UBND tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh (Số 1899/QĐ-UBND);
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PVP UBND tỉnh, các Phòng: KG-VX, TH-NC, TH-CB;
- Lưu: VT, KG-VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Xuân Huyền

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện 2020	Ước Thực hiện năm 2021					Dự kiến Kế hoạch năm 2022	Đơn vị thực hiện
				Kế hoạch	Ước thực hiện 9 tháng	Ước TH 9 tháng so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước TH cả năm so với kế hoạch năm 2020 (%)		
7	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng của các xã thuộc huyện nghèo, xã ĐBKK vùng ven biển, hải đảo	Không có số liệu riêng cho các xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn								
7.1	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi	%	25	25,5			25,5	100	25,2	
7.2	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng gày còm	%								

Phụ lục II
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO BÈN VỮNG NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số 209 /KH-UBND ngày 22 /10/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Dự án, hoạt động	Tổng nhu cầu kinh phí	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác		
			Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp
	Tổng cộng	466.028	401.710	228.860	172.850	54.538	36.433	18.105	9.780	0	9.780
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	165.228									
1,1	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo	165.228	136.710	127.710	9.000	27.218	27.218		1.300		1.300
1,2	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.	0									
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	47.500	40.000		40.000	6.000		6.000	1.500		1.500
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	60.000	55.000		55.000	4.000		4.000	1.000		1.000
3,1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	60.000	55.000		55.000	4.000		4.000	1.000		1.000
3,2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	10.000	8.500		8.500	1.000		1.000	500		500
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm	143.800	129.500	101.150	28.350	12.220	9.215	3.005	2.080	0	2.080
4,1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	121.000	110.000	99.000	11.000	10.000	9.000	1.000	1.000	0	1.000
	<i>Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	108.900	99.000	99.000		9.000	9.000		900		900
	<i>Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	2.775	2.500		2.500	250		250	25		25
	<i>Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	3.330	3.000		3.000	300		300	30		30

STT	Dự án, hoạt động	Tổng nhu cầu kinh phí	Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương			Huy động khác		
			Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp
	<i>Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.</i>	1.665	1.500		1.500	150		150	15		15
	<i>Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp</i>	4.330	4.000		4.000	300		300	30		30
4,2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài	1.800	1.500		1.500	220		220	80		80
4,3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	21.000	18.000	2.150	15.850	2.000	215	1785	1000		1000
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo	24.000	20.000		20.000	2.000		2000	2000		2000
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	18.000	14.000		14.000	2.500		2.500	1.500	0	1.500
6,1	Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	13.000	10.000		10.000	2.000		2000	1000		1000
6,2	Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo	5.000	4.000		4.000	500		500	500		500
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình	7.500	6.500		6.500	600		600	400	0	400
7,1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	3.500	3.000		3.000	300		300	200		200
7,2	Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá	4.000	3.500		3.500	300		300	200		200

Phụ lục III

**TÊN/ DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHÈO, XÃ ĐBK
VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TẠI CÁC TỈNH CÓ HUYỆN NGHÈO;
CƠ SỞ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

(Kèm theo Kế hoạch số 209 /KH-UBND ngày 22 /10/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Địa bàn	Tên/Danh mục công trình	Đơn vị thực hiện	Quy mô đầu tư	Lý do đầu tư	Vốn đầu tư (triệu đồng)		Năm thực hiện
						NSTW	NSDP	
		TỔNG SỐ (I+II+III+IV)				228.860	36.433	
I	Huyện nghèo					127.710	27.218	
1	Huyện Bình Gia					42.570	19.703	
1	Xã Thiện Hòa, huyện Bình Gia	Đường Thâm Khôn - Nà Tàn, xã Thiện Hòa	UBND huyện Bình Gia	2,1km	Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững	1.625,7	1.874,2	2022
2	Xã Hồng Phong, huyện Bình Gia	Đường Văn Mịch - Nà Kít, xã Hồng Phong	UBND huyện Bình Gia	2,8km	Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững	3.467,8	2.805,7	2022
3	Xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia	Đường Bản Chúc, xã Thiện Thuật	UBND huyện Bình Gia	2km	Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững	3.800,0	200,0	2022
4	Xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia	Đường Cốc Phường, xã Thiện Thuật	UBND huyện Bình Gia	2km	Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững	3.800,0	200,0	2022
5	Xã Hoa Thám, huyện Bình Gia	Cứng hóa đường Vĩnh Quang - Nà Sha, xã Hồng Phong	UBND huyện Bình Gia	7,5km	Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững	12.500,0	4.000,0	2022
6	Xã Hoa Thám, huyện Bình Gia	Cứng hóa đường Cốc Lùng - Kéo Lằm, xã Hoa Thám	UBND huyện Bình Gia	9km	Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững	13.000,0	5.000,0	2022

7	Xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia	Trường PTDTBT THCS Thiện Thuật	UBND huyện Bình Gia	Nhà hành chính, phòng học bộ môn và các công trình phụ trợ	Hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững	4.376,5	5.623,5	2022
2	Huyện Đình Lập					42.570	7.515	
1.1	Xã Bắc Xa	Điểm trường Bản Háng trường Tiểu học xã Bắc Xa	UBND huyện Đình Lập	05 lớp học, 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 1 phòng chờ giáo viên, 02 phòng công vụ	Phục vụ nhu cầu học, làm việc của giáo viên, nhân viên	2.550	450	2022
1.2		Điểm trường Bản Văn trường Tiểu học xã Bắc Xa		5 lớp học, 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 1 phòng chờ giáo viên, 02 phòng công vụ	Phục vụ nhu cầu học, làm việc của giáo viên, nhân viên	2.550	450	2022
1.3		Ngâm Tà Cừu - Nà Pè		60m ngâm, đường dẫn	Phục vụ đi lại của nhân dân	1.700	300	2022
1.4		Nước sinh hoạt tập trung thôn Nà Pè, Bản Văn		Xây bể đầu nguồn, bể chứa, bể lọc, đường ống dẫn nước dài 7km, phục vụ 70 hộ	Phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân	1.615	285	2022
1.5	Xã Bính Xá	Đập, nương Nà Chuộng thôn Bản Xá	UBND huyện Đình Lập	Làm mới đập dâng, tuyến nương dài 1,5 km, phục vụ tưới 6ha	Phục vụ tưới tiêu cho bà con	1.445	255	2022
1.6		Nước sinh hoạt tập trung thôn Pò Háng		Xây bể đầu nguồn, bể chứa, bể lọc, đường ống dẫn nước dài 5km, phục vụ 75 hộ	Phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân	1.275	225	2022
1.7	Xã Bắc Lãng	Trường PTDTBT Tiểu học và THCS xã Bắc Lãng	UBND huyện Đình Lập	01 nhà đa năng	Phục vụ nhu cầu học, làm việc của giáo viên	2.720	480	2022
1.8		Nước sinh hoạt tập trung thôn Nà Pèo		Đập ĐN, đường ống 5 km, phục vụ SH 120 hộ	Phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân	1.530	270	2022
1.9		Xây mới cầu ngầm Khe Hả		60m ngầm, đường dẫn	Phục vụ đi lại của nhân dân	1.600	285	2022
1.10		Nước sinh hoạt tập trung thôn Bản Hả		Xây bể đầu nguồn, bể chứa, bể lọc, đường ống dẫn nước dài 6km, phục vụ 54hộ	Phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân	1.275	225	2022
1.11		Nước sinh hoạt tập trung thôn Cồn Áng, Bình Chương II	UBND huyện Đình Lập	Xây bể đầu nguồn, bể chứa, bể lọc, đường ống dẫn nước dài 7km, phục vụ 70hộ	Phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân	1.530	270	2022

1.12	Xã Đình Lập	Xây ngầm Pắc Tắm - thôn Tà Hón		30m, đường dẫn	Phục vụ đi lại của nhân dân	1.530	270	2022
1.13		Muong Khe Luông		Đập, mới tuyến mương 1km	Phục vụ tưới tiêu cho bà con	1.700	300	2022
1.14	Xã Thái Bình	Nước sinh hoạt tập trung thôn Bình Thái	UBND huyện Đình Lập	Xây bể đầu nguồn, bể chứa, bể lọc, đường ống dẫn nước dài 4,5km, phục vụ 70 hộ	Phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân	1.020	180	2022
1.15		Nước sinh hoạt tập trung thôn Bản Mực		Xây bể đầu nguồn, bể chứa, bể lọc, đường ống dẫn nước dài 3km, phục vụ 100hộ	Phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân	1.020	180	2022
1.16		Nước sinh hoạt tập trung thôn Hòa An		Xây bể đầu nguồn, bể chứa, bể lọc, đường ống dẫn nước dài 7km, phục vụ 100hộ	Phục vụ nước sinh hoạt cho nhân dân	1.530	270	2022
1.17	Xã Cường Lợi	Cứng hóa mặt đường Bản Xum Km7-ĐX.415 - Nà Cà	UBND huyện Đình Lập	Cứng hóa 5km+ Ngâm	Phục vụ đi lại của nhân dân	9.350	1.650	2022
1.18		Cải tạo nâng cấp đường Bản Xum - Khe Buông		Cứng hóa 5km	Phục vụ đi lại của nhân dân	6.630	1.170	2022
2	Huyện Văn Quan					42.570	0,0	
1	Xã Lương Năng	Đường Nà Lộc - Nà Keo, xã Lương Năng. Hạng mục: xây dựng mặt đường		Mặt đường BTXM dày 18cm dài 4,24km; nền đường rộng 4m; mặt đường rộng 3m		2.500		2022
2	Xã Hòa Bình	Đường Bản Bác – Hà Quảng – Lũng Rằng, xã Hòa Bình		BTXM dài 3,2km; nền đường rộng 4m, mặt đường BTXM M250 dày 18cm, rộng 3m		2.500		2022
3	Xã An Sơn	Mở mới đường Quang Bí - Phiền Mậu xã An Sơn		BTXM dài 2,3km		2.500		2022
4	Xã An Sơn	Đường BTXM Phiền Mậu, xã An Sơn - Kho kỹ thuật quân sự		BTXM dài 3Km		2.500		2022
5	Xã Đồng Giáp	Đường Pá Tuồng - Phai Lừa, xã Đồng Giáp		BTXM dài 3Km		2.000		2022

6	Xã Bình Phúc	Cầu Bình An, thôn Pác Cấp, xã Bình Phúc		Cầu BTCT, chiều rộng 4+2x0,25. Đường dẫn: Nền đường rộng 4m; mặt đường BTXM-M250 rộng 3m, dày 18cm		2.500		2022
7	Xã Liên Hội	Đường BTXM trục thôn Khun Luông, xã Liên Hội		1km		2.000		2022
8	Xã An Sơn	Mở mới nền đường Nà Thòa - Quang Bí, xã An Sơn		Mở nền + BTXM đường dài 2,5km		3.000		2022
9	Xã Đồng Giáp	Đường BTXM Bắc Nam - Khuổi Nọi, thôn Đồng Văn, xã Đồng Giáp		1km		2.000		2022
10	Xã Hòa Bình	Đường BTXM Nà Văng - Nà Thâm, thôn Nà Thượng, xã Hòa Bình		Đường xã dài 1km		1.070		2022
11	Xã An Sơn	Đường BTXM Nà Tèn - Nà Pài, xã An Sơn		3km		2.500		2022
12	Xã Tri Lễ	Trạm bơm Lùng Án, thôn Đèo Luông, xã Tri Lễ		Trạm bơm, mương dẫn nước tưới trên 30ha đất nông nghiệp		1.500		2022
13	Xã An Sơn	Trạm bơm nước thôn Ích Hữu, xã An Sơn		Bơm nước trong hang phục vụ 05ha đất nông nghiệp		1.000		2022
14	Xã Đồng Giáp	Nhà Hành chính trường THCS xã Đồng Giáp		Xây dựng mới nhà hành chính 2 tầng với tổng diện tích sàn 537,7m ² ; sân bê tông		2.000		2022
15	Xã Khánh Khê	Trường Mầm non xã Khánh Khê		Xây dựng mới 8 phòng học; xây dựng khu hành chính và các hạng mục khác		5.000		2022
16	Xã Đồng Giáp	Nhà hành chính Trường Mầm non xã Đồng Giáp		Nhà hành chính		2.000		2022

17	Xã Tri Lễ	Xây dựng nhà hành chính Trường Mầm non 2 xã Tri Lễ		Khối nhà hành chính		2.000		2022
18	Xã Tri Lễ	Xây dựng nhà hành chính Trường PTDTBT Tiểu học 1 xã Tri Lễ		Khối nhà hành chính		2.000		2022
19	Xã Hòa Bình	Xây dựng nhà hành chính, phòng học bộ môn trường bán trú TH&THCS xã Hòa Bình		Khối nhà hành chính, phòng học bộ môn		2.000		2022
II	Xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo							
1	Xã A							
2	Xã B							
III	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các tỉnh có huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo					99.000	9.000	
1	Huyện Bình Gia	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại huyện nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của đơn vị	18.000	1.500	2022
2	Huyện Đình Lập	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại huyện nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của đơn vị	18.000	1.500	2022
3	Huyện Văn Quan	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại huyện nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của đơn vị	18.000	1.500	2022
4	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại tỉnh có huyện nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của đơn vị	45.000	4.500	2022

IV	Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để xây dựng các cơ sở dữ liệu và hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động					2.150	215	
1	Tỉnh Lạng Sơn	Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin: Hệ thống mạng, đường truyền, hệ thống máy chủ, máy tính, hệ thống trang thiết bị phục vụ lưu trữ, hệ thống an ninh bảo mật ... phục vụ thu thập, xử lý, phân tích thông tin và dự báo thị trường lao động cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Hệ thống mạng, đường truyền, hệ thống máy chủ, máy tính; hệ thống trang thiết bị phục vụ lưu trữ; hệ thống an ninh bảo mật ... chưa đầy đủ, đồng bộ không đảm bảo phục vụ thu thập, xử lý, phân tích thông tin và dự báo thị trường lao động		2.150	215	2022

Phụ lục IV
CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2022 THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
VÙNG NGHÈO, VÙNG KHÓ KHĂN

(Kèm theo Kế hoạch số 209 /KH-UBND ngày 22 /10/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Địa bàn	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện 2020	Ước Thực hiện năm 2021				
						Kế hoạch	Ước thực hiện 9 tháng	Ước TH 9 tháng so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước TH cả năm so với kế hoạch năm 2020 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1		Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các tỉnh có huyện nghèo								
	Huyện Bình Gia	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Gia	Cơ sở GDNN	Sở LĐ-TB&XH	3000	-	-	-	-	-
	Huyện Văn Lãng	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Văn Lãng	Cơ sở GDNN	Sở LĐ-TB&XH	3000	-	-	-	-	-
	Huyện Đình Lập	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Gia	Cơ sở GDNN	Sở LĐ-TB&XH	3000	-	-	-	-	-
	Huyện Văn Quan	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Văn Quan	Cơ sở GDNN	Sở LĐ-TB&XH	-	-	-	-	-	-
	Tỉnh Lạng Sơn	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	Cơ sở GDNN	Sở LĐ-TB&XH	-	-	-	-	-	-

TT	Địa bàn	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện 2020	Ước Thực hiện năm 2021				
						Kế hoạch	Ước thực hiện 9 tháng	Ước TH 9 tháng so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước TH cả năm so với kế hoạch năm 2020 (%)
2		Hoạt động 2: Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội tại các tỉnh có huyện nghèo			650	-	-	-	-	-
	Tỉnh Lạng Sơn	Xây dựng Chương trình, giáo trình		Sở LĐ-TB&XH	500	-	-	-	-	-
	Tỉnh Lạng Sơn	Bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo		Sở LĐ-TB&XH	150	-	-	-	-	-
3		Hoạt động 3: Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm tại các tỉnh có huyện nghèo			800	-	-	-	-	-
	Tỉnh Lạng Sơn	Rà soát, bổ sung, cập nhật nhu cầu đào tạo nghề cho LĐNT		Sở LĐ-TB&XH	650	-	-	-	-	-
	Tỉnh Lạng Sơn	Hoạt động tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm cho LĐNT		Sở LĐ-TB&XH	150	-	-	-	-	-
	Tỉnh Lạng Sơn	Hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm		Sở LĐ-TB&XH		-	-	-	-	-
4		Hoạt động 4: Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp tại các tỉnh có huyện nghèo								

TT	Địa bàn	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện 2020	Ước Thực hiện năm 2021				
						Kế hoạch	Ước thực hiện 9 tháng	Ước TH 9 tháng so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước TH cả năm so với kế hoạch năm 2020 (%)
	Huyện Bình Gia	Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp tại huyện Bình Gia (chế biến sản xuất gỗ)		Sở LĐ-TB&XH		-	-	-	-	-
	Huyện Đình Lập	Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp tại huyện Đình Lập (nghề hàn)		Sở LĐ-TB&XH		-	-	-	-	-
	Huyện Văn Quan	Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp tại huyện Văn Quan		Sở LĐ-TB&XH		-	-	-	-	-
5		Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp			13250					
	Huyện Bình Gia	Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp		Sở LĐ-TB&XH		-	-	-	-	-
	Huyện Đình Lập	Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp		Sở LĐ-TB&XH		-	-	-	-	-
	Huyện Văn Quan	Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp		Sở LĐ-TB&XH		-	-	-	-	-